

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/DS-ST.

Ngày: 02-6-2021

V/v Tranh chấp Hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tú
2. Ông Nguyễn Văn Tươi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Trần Hữu T; sinh năm: 1956; địa chỉ: thôn G, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng N (có mặt).

+ Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1965. Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Điện H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978. Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Điện H (có mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn X, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn G, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng N (có mặt).

- Ông Lê Hữu B, sinh năm 1954; địa chỉ: thôn G, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Ông Huỳnh Tấn M, sinh năm: 1954; địa chỉ: thôn G, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Ông Nguyễn Hùng V, sinh năm: 1951; địa chỉ: thôn G, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

- Ông Trần Văn D, sinh năm: 1965; địa chỉ: thôn G, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Ông Lê Văn T, sinh năm: 1962; địa chỉ: thôn G, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, ông Trần Hữu T trình bày:

Vào ngày 20/7/2015 tại Hội trường thôn G, giữa ông Trần Hữu T và Ban nhân dân thôn G N (nay là thôn G) có ký cam kết mua, bán cát, đá 1-2 nhằm phục vụ việc xây dựng đường bê tông giao thông nội đồng tuyến đường Mẫu 9 - Lục Khoảnh thuộc thôn G N. Theo đó, ông T cam kết bán cho Ban nhân dân thôn G N số lượng hàng hóa gồm 400m³ đá 1-2 với giá 300.000đ/m³; 350m³ cát với giá 95.000đ/m³. Tổng giá trị hợp đồng là 153.250.000 đồng. Quá trình cung ứng cát, đá ông T đã thực hiện đúng với bán cam kết ngày 20/7/2015. Tuy nhiên, thực tế thi công có phát sinh nên Ban nhân dân thôn G N yêu cầu ông T cung cấp thêm. Đến ngày 30/10/2015, giữa ông T và UBND xã Điện H có ký Biên bản thanh lý, cam kết mua bán cát, đá 1-2 với nội dung ông T đã bán cho Ban nhân dân thôn G N tổng cộng 462m³ đá 1-2 và 484m³ cát với số tiền tổng cộng là 184.580.000đ. Đến cuối năm 2016, ông T đã nhận được số tiền 160.000.000 đồng, số tiền còn lại 24.580.000 đồng, ông T chưa nhận được.

Căn cứ theo bản cam kết ngày 20/7/2015, nếu xảy ra rủi ro mà bên B chưa thanh toán xong thì số tiền còn nợ sẽ được tính lãi suất 1.2%/tháng. Do vậy, số tiền lãi tính từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 9 năm 2020 của số tiền 24.580.000 đồng là 18.479.200 đồng.

Mặc dù ông T ký hợp đồng cung ứng cát, đá với Ban nhân dân thôn G N nhưng công trình đường giao thông nội đồng tuyến Mẫu 9 - Lục Khoảnh do UBND xã Điện H làm chủ đầu tư. Việc thu, chi toàn bộ công trình do UBND xã Điện H chịu trách nhiệm nên Ban nhân dân thôn chưa trả đủ tiền cho ông thì UBND xã Điện H phải chịu trách nhiệm trả lại cho ông số tiền còn nợ.

Nay ông T yêu cầu UBND xã Điện H trả lại số tiền còn nợ là 24.580.000 và tiền lãi suất kèm theo tính từ tháng 11/2016 đến tháng 9/2020 với số tiền 18.479.200 đồng. Tổng cộng là 43.059.200 đồng (bốn mươi ba triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, hai trăm đồng).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2020 và những lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Văn H trình bày:

UBND xã Điện H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. UBND xã Điện H là chủ đầu tư công trình đường giao thông nội đồng tuyến Mẫu 9 - Lục Khoảnh. Khi triển khai thực hiện dự án thì UBND xã Điện H đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 45/2015/HĐKT ngày 26/6/2015 với Ban phát triển thôn G N do ông Lê Văn T làm trưởng thôn với nội dung UBND xã Điện H giao cho Ban phát triển thôn G N nhận thi công xây dựng công trình giao thông nội đồng từ Mẫu chín - Lục Khoảnh tại thôn G N, xã Điện H. Ban nhân dân thôn G N có trách nhiệm liên hệ với bên cung ứng để triển khai thực hiện và báo cáo kết quả. Việc Ban nhân dân thôn G N ký Hợp đồng mua vật tư với ông Trần Hữu T thì UBND xã Điện H không biết.

Do đó, UBND xã Điện H không đồng ý trả khoản nợ như yêu cầu mà ông T khởi kiện, UBND xã Điện H sẽ có trách nhiệm đôn đốc Ban nhân dân thôn G thu hồi tiền nợ của người dân để trả nợ cho ông Trần Hữu T.

Ngoài ra, ông không có ý kiến gì thêm.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2020 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày:

Ông được bầu làm Trưởng thôn G N từ năm 2006 đến hết năm 2016. Vào ngày 20/7/2015, Ban nhân dân thôn G N do ông làm Trưởng thôn có ký Hợp đồng mua bán cát, đá 1-2 để làm đường giao thông nội đồng thôn G N với ông Trần Hữu T. Lúc đó Ban nhân dân thôn có ông, ông Lê Văn X là Phó thôn kiêm Công an viên thôn, ông Huỳnh Tấn M làm Ban công tác mặt trận thôn là những người đại diện thôn ký hợp đồng với ông T. Ông Lê Hữu B là chi hội phó Hội CCB, ông Nguyễn Hùng V là Chi hội trưởng Hội CCB thôn là những người giám sát cùng ký vào Hợp đồng mua bán với ông T. Việc ký Hợp đồng với ông T đã được BND thôn tổ chức họp và dân thống nhất xong mới làm.

UBND xã Điện H do ông Nguyễn Hữu T1 - Chủ tịch UBND xã có tổ chức họp với 14 thôn trưởng trong đó có ông là Trưởng thôn G N để triển khai thi công các con đường giao thông nông thôn và giao thông nội đồng. Đối với thôn G N thì có triển khai thi công đối với đường giao thông nội đồng từ Mẫu 9 - Lục Khoảnh. Lúc đó, ông Nguyễn Hữu T1 - Chủ tịch UBND xã Điện H đứng ra chủ trì có giao cho Ban Nhân dân thôn G N triển khai thực hiện và giao nhiệm vụ là họp dân để xem xét ý kiến của người dân có thống nhất việc thi công con đường hay không, nếu người dân thống nhất thì thu tiền của người dân 45% để triển khai thi công con đường, đồng thời Ban Nhân dân thôn có trách nhiệm liên hệ để đổ vật liệu xây dựng, thuê nhân công để thi công con đường. Cuộc họp này UBND xã Điện H có lập Biên bản cuộc họp hay không thì ông không rõ nhưng có các thôn trưởng khác chứng kiến.

Sau khi UBND xã Điện H tổ chức cuộc họp xong thì ông có hợp với nhân dân thôn G N và sau đó có ký Hợp đồng với ông Trần Hữu T để mua vật liệu xây dựng cát, đá 1-2 vào ngày 20/7/2015. Nội dung Hợp đồng như ông T đã trình bày. Sau khi ký Hợp đồng thì ông T đã cung cấp vật liệu để thi công con đường. Đến nay, Ban nhân dân thôn G còn nợ lại của ông T số tiền là 24.580.000đ.

Lý do còn nợ số tiền của ông T là do chưa thu được hết tiền của người dân. Từ tháng 10/2016, ông T không còn Trưởng thôn nữa nên ông có bàn giao lại cho ông Đạt để tiếp tục thu tiền của người dân, ông Đạt có thu được 6 triệu đồng của người dân và đã dùng số tiền này để thanh toán cho công trình xây dựng Nhà văn hóa để kịp quyết toán. Đến năm 2019, ông Đạt không biết có được tiếp tục làm trưởng thôn nữa hay không vì hai thôn G N và G Bắc sáp nhập thành thôn G nên ông Đạt đã bàn giao số nợ lại cho UBND xã Điện H. UBND xã Điện H đã kiểm tra và ban hành Thông báo số 95/TB ngày 30/10/2019; trong đó có xác định số nợ còn lại của ông T là 24.580.00 đồng nhưng không xác định ai là người có trách nhiệm trả số tiền nợ này.

Sau đó thì UBND xã Điện H trong đó có ông Lê Ngọc B cùng kế toán, thủ quỹ thu các khoản nợ của người dân nhưng ông không biết rõ thu được bao nhiêu và chi vào mục đích gì.

Việc giữa UBND xã Điện H và Ban Phát triển thôn G N ký Hợp đồng kinh tế số 45/2015/HĐKT ngày 26/6/2015 là do UBND xã Điện H yêu cầu ký Hợp đồng để hợp thức hóa việc quyết toán công trình. Việc ký Hợp đồng này là sau khi đã thi công xong con đường, trên thực tế thì không thực hiện theo Hợp đồng này. Ban Nhân dân thôn chỉ làm theo chỉ đạo của UBND xã Điện H.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã Điện H có trách nhiệm trả lại số tiền còn nợ là 24.580.000đ và tiền lãi 18.479.000đ thì ông thống nhất ý kiến của nguyên đơn vì UBND Điện H là cơ quan chủ đầu tư theo quy định của pháp luật. UBND xã Điện H triển khai thực hiện dự án, Ban Nhân dân thôn chỉ là thay mặt UBND xã Điện H (là một bộ phận giúp việc của UBND xã Điện H) đứng ra để thu tiền của người dân 45% và liên hệ người đổ vật liệu xây dựng để thi công con đường giúp cho UBND xã Điện H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra ông không có ý kiến gì thêm.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2020 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn X trình bày:

Ông hoàn toàn thống nhất lời trình bày của ông T về nội dung, quá trình thực hiện hợp đồng và số tiền mà Ban nhân dân thôn G N còn nợ của ông T, không bổ sung gì thêm.

Nay ông Trần Hữu T khởi kiện yêu cầu UBND xã Điện H trả lại số tiền còn nợ là 24.580.000 đồng và số tiền lãi tính từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 9 năm 2020 là 18.479.200 đồng thì ông đề nghị UBND xã Điện H có biện pháp thu hồi

nợ đối với những người dân còn nợ tiền đối với Ban nhân dân thôn và trả lại số tiền trên cho ông Trần Hữu T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2020 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu B trình bày:

Ông hoàn toàn thống nhất lời trình bày của ông T về nội dung, quá trình thực hiện hợp đồng và số tiền mà Ban nhân dân thôn G N còn nợ của ông T, không bổ sung gì thêm.

Nay ông Trần Hữu T khởi kiện yêu cầu UBND xã Điện H trả lại số tiền còn nợ là 24.580.000 đồng và số tiền lãi tính từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 9 năm 2020 là 18.479.200 đồng thì ông đề nghị UBND xã Điện H có biện pháp thu hồi nợ đối với những người dân còn nợ tiền đối với Ban nhân dân thôn và trả lại số tiền trên cho ông Trần Hữu T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2020 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn M trình bày:

Ông hoàn toàn thống nhất lời trình bày của ông T về nội dung, quá trình thực hiện hợp đồng và số tiền mà Ban nhân dân thôn G N còn nợ của ông T, không bổ sung gì thêm.

Nay ông Trần Hữu T khởi kiện yêu cầu UBND xã Điện H trả lại số tiền còn nợ là 24.580.000 đồng và số tiền lãi tính từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 9 năm 2020 là 18.479.200 đồng thì ông đề nghị UBND xã Điện H có biện pháp thu hồi nợ đối với những người dân còn nợ tiền đối với Ban nhân dân thôn và trả lại số tiền trên cho ông Trần Hữu T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2020 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hùng V trình bày:

Ông hoàn toàn thống nhất lời trình bày của ông T về nội dung, quá trình thực hiện hợp đồng và số tiền mà Ban nhân dân thôn G N còn nợ của ông T, không bổ sung gì thêm.

Nay ông Trần Hữu T khởi kiện yêu cầu UBND xã Điện H trả lại số tiền còn nợ là 24.580.000 đồng và số tiền lãi tính từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 9 năm 2020 là 18.479.200 đồng thì ông đề nghị UBND xã Điện H có biện pháp thu hồi nợ đối với những người dân còn nợ tiền đối với Ban nhân dân thôn và trả lại số tiền trên cho ông Trần Hữu T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2020 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D trình bày:

Năm 2019, thôn G Bắc và G N sáp nhập thành thôn G và ông được bầu làm trưởng thôn G. Khi làm trưởng thôn G thì ông có được bàn giao về số tiền nợ khi

làm đường giao thông của nhân dân đối với thôn và thôn G N đối với ông T nhưng số tiền cụ thể thì không nhớ rõ.

UBND xã Điện H có chỉ đạo và bàn giao danh sách nợ của dân đối với thôn cho ông để thu hồi số nợ của người dân nhằm mục đích trả nợ cho ông T. Tuy nhiên, Ban Nhân dân thôn không thu hồi được nợ của người dân. Ban Nhân dân thôn chỉ là bộ phận giúp việc cho UBND xã Điện H. UBND xã Điện H giao cho Ban nhân dân thôn có trách nhiệm thu nợ của người dân để trả lại cho ông T là việc cấp trên giao việc cho cấp dưới, còn trách nhiệm trả nợ cho ông T là của UBND xã Điện H. Đến ngày 01/01/2021 thì ông không làm trưởng thôn G nữa nên ông sẽ bàn giao lại toàn bộ các khoản thu chi cho UBND Xã Điện H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu T thì ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngoài ra ông không có ý kiến gì thêm.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc UBND xã Điện H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Hữu T số tiền còn nợ là tổng cộng là 28.080.000đ (hai mươi tám triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc: 24.580.000đ; nợ lãi 3.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông Trần Hữu T và bị đơn UBND xã Điện H. UBND xã Điện H có địa chỉ trụ sở tại xã Điện H, thị xã Điện Bàn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận vào ngày 20/7/2015, giữa ông Trần Hữu T và Ban nhân dân thôn G N (nay là thôn G) có ký cam kết mua, bán cát, đá 1-2 nhằm phục vụ việc xây dựng đường bê tông giao thông nội đồng tuyến đường Mẫu 9 - Lục Khoảnh thuộc thôn G N. Theo đó, ông T cam kết bán cho Ban nhân dân thôn G N số lượng hàng hóa gồm 400m³ đá 1-2 với giá 300.000đ/m³; 350m³ cát với giá 95.000đ/m³. Ông T đã cung cấp cát, đá 1-2 cho Ban nhân dân thôn G N theo cam kết. Đến ngày 30/10/2015, giữa ông T và Ban nhân dân thôn G N có ký Biên bản thanh lý, cam kết mua bán cát, đá 1-2 với nội dung ông T đã bán cho Ban nhân dân thôn G N

tổng cộng 462m³ đá 1-2 và 484m³ cát với số tiền tổng cộng là 184.580.000đ. Như vậy, có cơ sở xác định việc mua bán hàng hóa là cát, đá 1-2 giữa ông Trần Hữu T và Ban nhân dân thôn G N là có thật.

Nguyên đơn, ông Trần Hữu T cho rằng: Mặc dù ông T không trực tiếp ký cam kết mua bán cát, đá với UBND xã Điện H nhưng UBND xã Điện H là chủ đầu tư công trình giao thông bê tông nội đồng đoạn Mẫu 9 - Lục Khoảnh; đồng thời Ban nhân dân thôn G N không có tư cách pháp nhân, khi ký cam kết với ông T chỉ đại diện UBND xã Điện H ký hợp đồng nên UBND xã Điện H phải chịu trách nhiệm khi Ban nhân dân thôn G N (nay là thôn G) không thực hiện đúng việc trả tiền cho ông.

Bị đơn, UBND xã Điện H cho rằng: đối với công trình giao thông nội đồng từ Mẫu 9 - Lục Khoảnh tại thôn G N thì UBND xã Điện H đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 45/2015/HĐKT ngày 26/6/2015 với Ban phát triển thôn G N do ông Lê Văn T làm Trưởng thôn với nội dung là Ban Phát triển thôn G N nhận thi công công trình nói trên. Ông T không ký hợp đồng với UBND xã Điện H nên UBND xã Điện H không chịu trách nhiệm trả nợ cho ông T. Con đường giao thông nội đồng này có tên công trình là Mẫu 9 - Lục Khoảnh, chiều dài 1,05km, rộng 3m, dày 17cm tại Thôn G N, xã Điện H. Tổng kinh phí 816.885.000đ, trong đó Nhà nước hỗ trợ 55% là 449.286.750 đồng, nhân dân đóng góp 45% là 367.598.250 đồng. Đối với kinh phí thi công công trình đã được thu, chi, quyết toán đầy đủ nên UBND xã Điện H không chịu trách nhiệm gì cả. Việc Ban Phát triển thôn G N (nay là thôn G) còn nợ tiền của ông T thì Ban Phát triển thôn phải có trách nhiệm thu của dân để trả lại cho ông T.

HĐXX thấy rằng: UBND xã Điện H là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng công trình Mẫu 9 - Lục Khoảnh với kinh phí tổng cộng là 816.885.000đ; trong đó Nhà nước hỗ trợ 55% (449.286.750đ) và nhân dân đóng góp 45% (367.598.250đ). Thực tế, Phòng Tài chính thị xã Điện Bàn đã chuyển đủ số tiền 449.286.750đ cho UBND xã Điện H, đối với số tiền còn lại UBND xã Điện H phải có trách nhiệm vận động nhân dân đóng góp. UBND xã Điện H đã ký Hợp đồng kinh tế với Ban phát triển thôn G N về việc thi công công trình Mẫu 9 - Lục Khoảnh. Theo đó, Ban phát triển thôn G N là đơn vị nhận thi công công trình với khối lượng chi tiết theo hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật được duyệt tại Quyết định 249/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND xã Điện H.

Theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của UBND xã Điện H thì Chủ đầu tư được phép thanh toán các khoản nợ theo giá trị quyết toán đầu tư được duyệt với tổng số tiền 768.811.000đ và thực hiện tất toán nguồn vốn theo đúng quy định hiện hành. Đồng thời, tại Điều 2 Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 của UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã) phân công trách nhiệm cụ thể: Phát huy vai trò của Ban phát triển thôn trong việc triển khai thực hiện, hướng dẫn, giám sát trong quá trình thi công xây dựng và quản lý sử dụng sau khi công trình hoàn thành; UBND xã được huy động nguồn lực, quản lý, sử dụng các nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn

xã theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn cấp trên; định kỳ báo cáo về UBND huyện theo dõi, chỉ đạo.

Đồng thời, qua xác minh tại Phòng Kinh tế thị xã Điện Bàn thì trách nhiệm giải ngân, quyết toán công trình giao thông nội đồng là do UBND xã Điện H (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định Nhà nước (bao gồm 55% Nhà nước hỗ trợ và 45% xã và nhân dân đóng góp). Do đó, việc thu, chi các khoản đóng góp 45% (xã và nhân dân đóng góp) là thuộc trách nhiệm của UBND xã Điện H. Trường hợp, thu và chi không đủ thì UBND xã Điện H phải có trách nhiệm.

Như vậy, có cơ sở xác định, Ban phát triển thôn G N chỉ được triển khai thực hiện, hướng dẫn, giám sát trong quá trình thi công xây dựng và quản lý sử dụng sau khi công trình hoàn thành; còn chủ đầu tư UBND xã Điện H mới là đơn vị có trách nhiệm huy động nguồn lực, quản lý, sử dụng các nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới (bao gồm 55% Nhà nước hỗ trợ và 45% xã và nhân dân đóng góp).

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, UBND xã Điện H cho rằng đã UBND xã Điện H đã chi đủ số tiền 55% Nhà nước hỗ trợ cho Ban Phát triển thôn G N để chi cho công trình. Đối với số tiền 45% còn lại do nhân dân đóng góp thì UBND xã đã giao nhiệm vụ cho Ban nhân dân thôn G N có trách nhiệm thu, chi. Như vậy, UBND xã Điện H chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 2 Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 của UBND huyện Điện Bàn về việc “huy động nguồn lực, quản lý, sử dụng các nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới”.

Do đó, HĐXX có cơ sở xác định rằng: mặc dù UBND xã Điện H không trực tiếp ký Hợp đồng mua bán cát, đá với ông Trần Hữu T nhưng đã ủy quyền cho Ban phát triển thôn G N (thông qua Hợp đồng kinh tế số 45) để thực hiện việc ký Hợp đồng với ông T, phù hợp với quy định tại Điều 117 BLDS. UBND xã Điện H xác nhận Ban phát triển thôn G N (nay là thôn G) vẫn còn nợ của ông Trần Hữu T số tiền 24.580.000đ nên ý kiến của ông Trần Hữu T là có cơ sở, được xem xét chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: trong quá trình giải quyết vụ án, ông T yêu cầu UBND xã Điện H trả số tiền lãi đối với số tiền còn nợ 24.580.000đ với mức lãi suất 1,2%/tháng trong thời gian từ tháng 11/2016 đến tháng 9/2020 tổng cộng là 18.479.200đ. Tại phiên tòa, ông T chỉ yêu cầu tiền lãi 3.5000.000đ. HĐXX thấy rằng yêu cầu của ông T phù hợp với quy định tại Điều 468 BLDS nên có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, HĐXX xác định UBND xã Điện H còn nợ của ông Trần Hữu T số tiền mua cát, đá là 24.580.000 và lãi suất kèm theo là 3.500.000đ là đúng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu T có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 440 BLDS nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 357; 430, 440; 468 Bộ luật Dân sự, Luật phí và lệ phí, khoản 4 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Hữu T đối với Ủy ban nhân dân xã Điện H về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc Ủy ban nhân dân xã Điện H có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Hữu T số tiền còn nợ tổng cộng là 28.080.000đ (hai mươi tám triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc: 24.580.000đ; nợ lãi 3.500.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2] Về án phí: Ủy ban nhân dân xã Điện H phải chịu 1.404.000đ (một triệu, bốn trăm linh bốn nghìn đồng) tiền án phí DSST. Ông Trần Hữu T không phải chịu án phí DSST.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án gửi đến hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân